

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kim N1, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: số I, đường N, khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Tuấn K, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: số C, đường H, khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1 trình bày: Thông qua mai mối, bà và ông Phạm Tuấn K tổ chức lễ cưới vào ngày 31/01/2002, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/01/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 12/2022 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm trong cách sống, ông K thường hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần, chính quyền địa phương và hàng xóm láng giềng đều biết. Bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/4/2023 cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thảo T, sinh ngày 13/11/2002 và Phạm Thùy T1, sinh ngày 24/4/2011. Bà N1 yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Thùy T1, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Thảo T đã trưởng thành, có khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại biên bản xác minh lập ngày 07/8/2023, ông Nguyễn Thanh N2 - Trưởng** khu phố V, phường V **cung cấp nội dung sự việc như sau:** Ông Phạm Tuấn K và bà Nguyễn Kim N1 là vợ chồng, cùng chung sống tại địa chỉ số C, đường H, khu phố V, phường V, thành phố R. Quá trình chung sống, ông K và bà N1 thường hay mâu thuẫn, cự cãi, hàng xóm láng giềng đều biết. Đến khoảng tháng 4/2023, bà N1 lên khu phố trình báo sự việc bị ông K dùng ống tu-ip đánh đập bà gây thương tích nhiều vùng trên cơ thể, đại diện khu phố có mời ông K lên làm việc để làm rõ nhưng ông K cố tình không lên, kể từ thời điểm đó bà N1 không còn sống chung với ông K mà quay về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ số I, đường N, khu phố V, phường V, thành phố R.

- **Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 25/7/2023, người con chung là Phạm Thùy T1 có ý kiến:** Muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Kim N1.

- **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1 yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đôi với bị đơn – ông Phạm Tuấn K nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Phạm Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1 yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Phạm Tuấn K.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Thông qua mai mối, bà N1 và ông K quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/01/2002; như vậy, việc kết hôn của bà N1 và ông K đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N1 cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông K thường hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần, chính quyền địa phương và hàng xóm láng giềng đều biết. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc được xác minh đối với ông Nguyễn Thanh N2 - Trưởng khu phố V, phường V. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – bà N1 đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông K không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà N1 và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1.

[2] Về con chung: Bà N1 yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Thùy T1, sinh ngày 24/4/2011 đến khi thành niên, không

yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Phạm Thảo T đã trưởng thành, có khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà không yêu cầu giải quyết. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như ý chí nguyện vọng của con chung, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà N1 đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà N1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1 phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007454, ngày 26/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N1 không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N1 được ly hôn với ông Phạm Tuấn K.

- Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Thùy T1, sinh ngày 24/4/2011 cho bà Nguyễn Kim N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà Nguyễn Kim N1 không yêu cầu ông Phạm Tuấn K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Riêng người con chung tên Phạm Thảo T đã trưởng thành, có khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà N1 đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

- Về nợ chung: Bà N1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N1 phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007454, ngày 26/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N1 không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Đức Luân

